

sulfamethoxazole, tỉ lệ đề kháng lần lượt là 99%, 95%, 94% và 93%.

S. pneumoniae đề kháng mức độ trung bình với các kháng sinh penicillin G, cefotaxime, ceftriaxone, tỉ lệ đề kháng lần lượt là 32%, 45,2% và 48,3%.

S. pneumoniae còn nhạy cảm với các kháng sinh levofloxacin, moxifloxacin, rifampin, linezolid, vancomycin, tigecycline, chloramphenicol (tỉ lệ đề kháng với các kháng sinh này thấp: levofloxacin, moxifloxacin và rifampin 0%; linezolid, vancomycin và tigecycline 0,43%; chloramphenicol 14%).

KHUYẾN NGHỊ

Nên tiêm phòng vaccin phế cầu cho trẻ em dưới 5 tuổi.

Với trẻ bị nhiễm khuẩn do căn nguyên phế cầu không nên điều trị bằng các kháng sinh erythromycin, clindamycin, tetracycline và trimethoprim – sulfamethoxazole do tỉ lệ đề kháng của phế cầu với các kháng sinh này hiện đã rất cao (trên 90%).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nicolau DP. (2009). Management of complicated infections in the era of antimicrobial resistance: the role of tigecycline. *Expert Opin. Pharmacother.*, 10, 1213-1222.
2. Song J.H. et al, (2005), Spread of drug-resistant *Streptococcus pneumoniae* in Asian countries: Asian Network for Surveillance of Resistant

Pathogens (ANSORP) Study. *Clin. Infec. Disea.* 28,1206-1211.

3. Van Pham Hung et al, (2006), A multicenter study on antibiotic resistance of 204 *S.pneumoniae* strains –Results from 10 hospitals across Vietnam- ANSORP news- 2006/11/27.
4. Phạm Hùng Vân, Nguyễn Phạm Thanh Nhân, Phạm Thái Bình, (2005), Khảo sát tình hình đề kháng in-vitro các kháng sinh của các vi khuẩn gây nhiễm trùng hô hấp cấp, Tạp chí Y học thực hành, Công trình nghiên cứu khoa học Hội nghị bệnh phổi toàn quốc, Cần Thơ 6-2005, Bộ Y Tế, số 513/2005, trang 117-125.
5. Đinh Ngọc Sỹ, Nguyễn Văn Hưng, Trần Bích Thủy, (2005), Tìm hiểu độ nhạy cảm với kháng sinh của một số loài vi khuẩn có khả năng gây nhiễm trùng hô hấp phân lập tại Bệnh viện Lao và bệnh phổi trung ương (2000 – 2004), Tạp chí Y học thực hành, Công trình nghiên cứu khoa học Hội nghị bệnh phổi toàn quốc, Cần Thơ 6-2005, Bộ Y Tế, số 513/2005, trang 112-116.
6. Phạm Hùng Vân, Trần Văn Ngọc và cs, (2005), Tác nhân gây Viêm phổi cộng đồng, nghiên cứu ANSORP Việt Nam 2003-2005.
7. UNICEF/WHO – Pneumonia. The forgotten killer of the children – 2006
8. Nguyễn Tiên Dũng – Trần Quy, May Mya Sein, Nghiên cứu tác dụng của Cefuroxim sodium tiêm và Cefuroxim acetyl uống trong điều trị viêm phổi mắc phải tại cộng đồng ở trẻ em. *Y học Việt Nam* 1997, 7 (218) 21 -26
9. Song JH, (2006), Global crisis of Pneumococcal resistance: alarm calls from the East, Drug Resistance in the 21st Century, 3rd International Symposium on Antimicrobial Agents and Resistance, p 53 – 67.

ĐÁNH GIÁ SỰ HÀI LÒNG VỚI CÔNG VIỆC CỦA ĐIỀU DƯỠNG VIÊN TẠI MỘT SỐ BỆNH VIỆN HUYỆN CỦA TỈNH THÁI BÌNH NĂM 2019

Trần Minh Hậu*, Lưu Đăng Duy*

TÓM TẮT

Chúng tôi tiến hành điều tra đánh giá sự hài lòng với công việc của 211 điều dưỡng viên đang làm việc tại 4 bệnh viện huyện của tỉnh Thái Bình. Nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp mô tả qua cuộc điều tra ngang bằng bộ phiếu hỏi chuẩn bị trước. Kết quả nghiên cứu cho thấy:

- Có 82% số điều dưỡng viên đánh giá công việc thường ngày là bận rộn, có 72,3% số điều dưỡng viên trực 4 buổi/tháng, có 50,7% điều dưỡng viên cho rằng khối lượng công việc ca trực là rất bận rộn.
- Có 71,7% điều dưỡng viên bị bệnh nhân không hợp

tác và 31,8% bị bệnh nhân, người nhà bệnh nhân hạch sách, quát tháo trong quá trình chăm sóc bệnh nhân.

- Có 70,1% điều dưỡng viên đánh giá môi trường làm việc, cơ sở vật chất, trang bị bảo hộ cá nhân tốt.

- Việc phối hợp với đồng nghiệp trong công việc là tốt đạt 76,3% và rất tốt là 21,8%.

- Đánh giá về sự quan tâm của lãnh đạo đến việc đào tạo liên tục, nâng cao kĩ năng và trình độ chuyên môn cho nhân viên là 86,7% và khen thưởng kịp thời là 99,1%. Có 87,7% điều dưỡng viên hài lòng với mức trợ cấp và phúc lợi của bệnh viện.

SUMMARY

THE ASSESSMENT OF THE NURSES SATISFACTION AT SOME OF DISTRICT HOSPITALS IN THAI BINH PROVINCE YEAR 2019

We conducted a survey to assess the satisfaction with the work of 211 nurses working in 4 district hospitals in Thai Binh province. The study was

*Đại học Y Dược Thái Bình

Chịu trách nhiệm chính: Trần Minh Hậu

Email: hauytb@gmail.com

Ngày nhận bài: 14.10.2019

Ngày phản biện khoa học: 18.12.2019

Ngày duyệt bài: 24.12.2019

conducted according to the method described through the survey by a prepared questionnaire. Research results show that:

-82% of nurses rated daily work as busy, 72.3% of staff on duty 4 times / month, 50.7% of nurses thought that shift work was very busy.

-71.7% of nurses suffer from non-cooperating patients and 31.8% have patient complaints and shouting from patients in the patient care process.

-70.1% of nurses assessed the working environment, facilities, and good personal protective equipment.

-The coordination with good colleagues is 76.3% and 21.8% is very good.

-The attention of the leaders to the continuous training, improve skills and professional qualifications for employees is 86.7% and timely reward is 99.1%. 87.7% of nurses were satisfied with the hospital's allowance and benefits.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hoạt động chăm sóc và điều dưỡng là một hoạt động nghề nghiệp, đòi hỏi điều dưỡng viên cần phải làm việc chủ động, sáng tạo, phải có cả kiến thức lẫn kỹ năng để là người cộng sự không thể thiếu được của bác sĩ. Nhiệm vụ chuyên môn của điều dưỡng viên là chủ động trong chăm sóc nhằm đáp ứng các nhu cầu của người bệnh và phối hợp với các nhân viên y tế khác để đảm bảo người bệnh nhận được dịch vụ chăm sóc với chất lượng cao nhất, an toàn và tiện nghi nhất.

Theo thông tư 07/2011/TT-BYT được ban hành [2], các bệnh viện đã nhanh chóng triển khai thực hiện, xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát; cân đối nhân lực điều dưỡng, hộ sinh về số lượng, trình độ và phân công hợp lý; tăng cường các phương tiện nhằm phục vụ đáp ứng nhu cầu chăm sóc người bệnh. Nhìn chung số

điều dưỡng viên tại các bệnh viện tính trên số bác sĩ nói riêng và trên tổng số nhân viên nói chung hiện nay chưa đáp ứng được như quy định của Bộ Y tế [1], [4]. Công việc của điều dưỡng viên thường bận rộn, do vậy việc đánh giá sự hài lòng với nhiệm vụ công việc của điều dưỡng là vấn đề cần thiết góp phần giúp các nhà hoạch định và sắp xếp nhân sự điều dưỡng tại các bệnh viện là cần thiết. Để làm rõ vấn đề này chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài với mục tiêu: Đánh giá sự hài lòng với công việc của điều dưỡng viên tại một số bệnh viện tuyến huyện của tỉnh Thái Bình năm 2019.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm nghiên cứu. Gồm 4 bệnh viện huyện là: BVĐK Thành Phố Thái Bình, BVĐK Tây Tiền Hải; BVĐK huyện Vũ Thư; BVĐK huyện Hưng Hà.

2.2. Đối tượng nghiên cứu. Là điều dưỡng viên đang làm việc tại các khoa lâm sàng của 4 bệnh viện được chọn trong nghiên cứu.

2.3. Phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp dịch tễ học mô tả dựa trên cuộc điều tra ngang.

Cỡ mẫu là toàn bộ điều dưỡng viên trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tại các khoa lâm sàng của 4 bệnh viện.

Phương pháp thu thập số liệu sử dụng phiếu hỏi được chuẩn bị trước nhằm đánh giá sự hài lòng với công việc của điều dưỡng viên.

2.4. Xử lý số liệu. Theo phương pháp thống kê toán học ứng dụng trong nghiên cứu y sinh học bằng phần mềm EPI-DATA và SPSS.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thông tin chung về điều dưỡng viên

Bảng 1. Phân bố số lượng và giới tính điều dưỡng viên theo bệnh viện

Bệnh viện	Số điều dưỡng viên		Giới tính	
	n	%	Nam	Nữ
BVĐK Thành Phố	77	36,5	22 (10,4)	55 (26,1)
BVĐK huyện Vũ Thư	54	25,6	11 (5,2)	43 (20,4)
BVĐK Tây Tiền Hải	48	22,7	9 (4,3)	39 (11,8)
BVĐK huyện Hưng Hà	32	15,2	7 (3,3)	25 (18,5)
Tổng số	211	100	49 (23,2)	162 (76,8)

BVĐK Thành phố có số lượng điều dưỡng viên nhiều nhất 77 là chiếm 36,5%, BVĐK huyện Vũ Thư có 54 người, BVĐK Tây Tiền Hải và BVĐK huyện Hưng Hà lần lượt là 48 và 32 người. Tuổi trung bình từ 31 đến 45 tuổi chiếm 51,2% còn lại các tuổi khác.

Bảng 2. Trình độ chuyên môn, thâm niên của điều dưỡng viên

Trình độ, thâm niên	Trình độ chuyên môn			Thâm niên			
	ĐH/Sau ĐH	Cao đẳng	Trung cấp	<5 năm	6-15 năm	16-25 năm	>25 năm
Số lượng	37	86	88	72	113	22	4
Tỷ lệ %	17,5	40,8	41,7	34,1	53,6	10,4	1,9

- Trình độ chuyên môn của điều dưỡng viên chủ yếu là cao đẳng và trung cấp trên 80%.

- Thâm niên công tác từ 5-15 năm chiếm đa số 53,6% và 1-5 năm chiếm 34,1%.

3.2. Đánh giá sự hài lòng với công việc của điều dưỡng viên

Bảng 3. Ý kiến của điều dưỡng viên về khối lượng công việc (n=211)

Tự đánh giá	Công việc thường ngày			Trong ca trực		
	Rất bận mải	Bận mải	Vừa phải	Rất bận mải	Bận mải	Vừa phải
Số lượng	11	173	27	107	100	4
Tỷ lệ %	5,2	82,0	12,8	50,7	47,4	1,9

Có 82% số điều dưỡng viên được hỏi cho rằng khối lượng công việc thường ngày là bận mải và 50,7% ý kiến cho rằng trong ca trực là rất bận mải và 47,4% là bận mải.

Bảng 4: Số buổi trực trung bình trong 1 tháng của điều dưỡng viên

Số buổi trực	< 4 buổi	4 buổi	> 4 buổi
Số lượng	14	154	43
Tỷ lệ %	6,6	73,0	20,4

Có 154 điều dưỡng viên phải 4 buổi trực/1 tháng, 43 điều dưỡng viên có trên 4 buổi và dưới 4 buổi trực/ tháng chỉ có 14 điều dưỡng viên.

Bảng 5: Môi trường làm việc trang bị vật chất và những phiền toái gặp phải

Mức độ	Môi trường, trang bị, cơ sở vật chất			Phiên toái gặp phải	
	Rất tốt	Tốt	Chưa tốt	BN và người nhà BN hạch sách	BN không hợp tác
Số lượng	62	148	1	67	150
Tỷ lệ %	29,4	70,1	0,5	31,8	71,1

- Gần như 100% số điều dưỡng viên cho thấy môi trường làm việc, cơ sở vật chất, trang bị bảo hộ lao động... của BV đã đáp ứng tốt và rất tốt.

- Có 150 lượt điều dưỡng viên cho biết BN không hợp tác trong khi thực hiện công việc chăm sóc họ và 67 lượt điều dưỡng viên chiếm 31,8% đã bị BN hoặc người nhà BN hạch sách, quát tháo trong khi làm việc.

Bảng 6: Hài lòng về sự phối hợp với đồng nghiệp trong công việc, về phúc lợi của BV

Mức độ	Hợp tác trong công việc			Phúc lợi của BV	
	Rất tốt	Tốt	Chưa tốt	Hài lòng	Chưa hài lòng
Số lượng	46	116	4	185	26
Tỷ lệ %	21,8	76,3	1,9	87,7	12,3

Đa số điều dưỡng viên đều cho rằng sự phối hợp giữa bản thân với đồng nghiệp là tốt với tỷ lệ 76,3%, ngoài ra có 21,8% cho rằng sự phối hợp trong công tác là rất tốt.

Có 87,7% số điều dưỡng viên hài lòng về phúc lợi của bệnh viện và 12,3% số điều dưỡng viên cho thấy chưa hài lòng về chế độ này

Bảng 7. Hài lòng về sự quan tâm của lãnh đạo

Mức độ	Đào tạo nâng cao trình độ		Khen thưởng	
	Quan tâm	Chưa quan tâm	Quan tâm	Chưa quan tâm
Số lượng	183	28	209	2
Tỷ lệ %	86,7	13,3	99,1	0,9

Có 86,7% số điều dưỡng viên cho thấy lãnh đạo bệnh viện có quan tâm đến việc đào tạo liên tục, nâng cao kỹ năng và phát triển trình độ chuyên môn cho nhân viên.

Có đến 99,1% số điều dưỡng viên cho biết nhận được sự quan tâm, khen thưởng kịp thời của lãnh đạo bệnh viện, và 0,9% là ít quan tâm đến vấn đề này.

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu được tiến hành với phương pháp phỏng vấn trực tiếp 211 điều dưỡng viên vào giờ hành chính trong các ngày làm việc. Độ tuổi của điều dưỡng viên từ 30 đến 45 chiếm 52,1%, số dưới 30 tuổi chiếm 45,5%. Thâm niên công tác từ 5 đến 15 năm chiếm tỷ lệ 53,6%, phần lớn là nữ giới chiếm 76,8%. Kết quả này cũng khá tương đồng với các nghiên cứu của Trần Ngọc

Trung tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng-2012 [6]. Số có trình độ đại học/sau đại học chỉ có 17,5% chủ yếu là cao đẳng chiếm 40,8% tỷ lệ này đạt so với tiêu chuẩn của Bộ y tế (trình độ từ cao đẳng trở lên phải đạt 30%)[3], [5].

Đánh giá sự hài lòng với công việc của điều dưỡng viên cho thấy về khối lượng công việc hàng ngày và đặc biệt ca trực là bận mải và rất bận mải chiếm tỷ lệ cao chiếm đến 82% và 50,7% số điều dưỡng nhận xét, số phải trực 4

buổi trong 1 tháng chiếm đa số, thậm chí cá biệt có điều dưỡng phải trực tới 6-8 buổi (như khoa cấp cứu, khoa sản, khoa ngoại), kết quả này cao hơn của Lê Hoàng Yến ở bệnh viện Mắt Trung Ương trung bình 1,85 buổi/tuần.

Vấn đề điều dưỡng viên gặp phiền toái trong khi làm việc tại các bệnh viện như nguy cơ bị bạo lực bệnh viện cao nhất. Do tính chất công việc, thời gian tiếp xúc với người bệnh và người nhà bệnh nhân, phải giao tiếp với những người bệnh đang có rối loạn, stress, đau đớn và cảm giác bất lực. Kết quả cho thấy có 71,7% điều dưỡng viên đã từng bị bệnh nhân, người nhà bệnh tỏ thái độ không thoải mái, không chịu hợp tác, thậm chí hạch sách, quát tháo, chưa gặp trường hợp nào hành hung bạo lực. Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu của Đào Ngọc Phúc tại bệnh viện Nhi Trung Ương năm 2017 là 65,3% điều dưỡng viên bị bạo hành bằng lời nói như chửi bới 56,7% lăng mạ, xúc phạm và đe dọa 30% [8].

Về môi trường làm việc, qua điều tra cho thấy về môi trường làm việc và cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu chăm sóc người bệnh. Về trang thiết bị và phương tiện và bảo hộ cá nhân đáp ứng với nhu cầu công việc, điều này tạo điều kiện cho điều dưỡng viên chăm sóc bệnh nhân được tốt hơn. Sự phối hợp với đồng nghiệp trong công tác giữa các cá nhân trong cùng cơ quan cũng rất quan trọng. Kết quả cho thấy điều dưỡng viên đánh giá mức độ phối hợp với đồng nghiệp khá cao trên 90% trong đó mức độ tốt là 76,3%, rất tốt là 21,8%.

Sự quan tâm của lãnh đạo bệnh viện cho thấy có 86,7% điều dưỡng viên đánh giá lãnh đạo bệnh viện có quan tâm đến việc đào tạo liên tục, nâng cao kĩ năng và phát triển trình độ chuyên môn như tham gia các lớp tập huấn, đào tạo liên tục ngày càng gia tăng, giúp cải thiện về chuyên môn cũng như ý đức, tác phong, lễ lối làm việc và trình độ chuyên môn của mỗi cá nhân, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc bệnh nhân. Vấn đề phúc lợi của bệnh viện và sự khen thưởng khi điều dưỡng viên hoàn thành tốt công việc cho thấy có 87,7% điều dưỡng viên đã cảm thấy hài lòng với chính sách phúc lợi mà bệnh viện đưa ra. Tỷ lệ này là khá cao, cao hơn nhiều so với nghiên cứu của Vũ Xuân Phú (phúc lợi đều không quá 20%) [7]. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn rất nhiều so với nghiên cứu của Abida Sultana và cộng sự là 24,3% nhân viên hài lòng với mức lương họ được nhận [9]. Có 99,1% điều dưỡng viên đánh giá thường nhận được sự quan tâm của lãnh đạo bệnh viện

nhất là việc khen thưởng, đồng viên kịp thời khi họ thực hiện tốt nhiệm vụ.

V. KẾT LUẬN

- Có 82% số điều dưỡng viên đánh giá công việc thường ngày là bận mải, có 72,3% số điều dưỡng viên trực 4 buổi/tháng, có 50,7% điều dưỡng viên cho rằng khối lượng công việc trong ca trực là rất bận mải.

- Có 71,7% điều dưỡng viên bị bệnh nhân không hợp tác và 31,8% bị bệnh nhân, người nhà bệnh nhân hạch sách, quát tháo trong quá trình chăm sóc bệnh nhân.

- Có 70,1% điều dưỡng viên đánh giá môi trường làm việc, cơ sở vật chất, trang bị bảo hộ cá nhân đảm bảo.

- Việc phối hợp với đồng nghiệp trong công việc tốt là 76,3% và rất tốt là 21,8%.

- Sự quan tâm của lãnh đạo đến việc đào tạo liên tục, nâng cao kĩ năng và trình độ chuyên môn cho nhân viên là 86,7% và khen thưởng kịp thời là 99,1% và 87,7% điều dưỡng viên hài lòng với mức trợ cấp và phúc lợi của bệnh viện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Y tế (1997)**, Quy chế bệnh viện, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội-1997
- Bộ Y tế (2011)**, Thông tư số 07/2011/TT-BYT ngày 26 tháng 01 năm 2011 về việc Hướng dẫn công tác điều dưỡng về chăm sóc người bệnh trong bệnh viện, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2012)**, Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-BYT ngày 21/4/2012 của Bộ Y tế), Hà Nội-2012.
- Bộ Y tế (2012)**, Chương trình đào tạo tăng cường năng lực quản lý điều dưỡng, Dự án tăng cường chất lượng nguồn nhân lực trong khám chữa bệnh. Hà Nội-2012
- Bộ Nội vụ (2005)**, Quyết định Số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 về việc ban hành Tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tá điều dưỡng, Hà Nội.
- Trần Ngọc Trung (2012)**, "Đánh giá hoạt động chăm sóc người bệnh của điều dưỡng viên tại bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng năm 2012", Luận văn Thạc sĩ Quản lý bệnh viện, Trường Đại học Y tế Công cộng, Hà Nội.
- Vũ Xuân Phú, Vũ Thị Lan Hương (2012)**, "Thực trạng nguồn nhân lực và một số yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng với công việc của nhân viên y tế bệnh viện đa khoa Sóc Sơn, Hà Nội-năm 2011". Tạp chí Y học thực hành số 5/2012
- Đào Ngọc Phúc (2017)**, Thực trạng bạo lực bệnh viện đối với điều dưỡng viên và một số yếu tố ảnh hưởng tại bệnh viện Nhi Trung Ương năm 2017, Luận văn Thạc sĩ Quản lý bệnh viện, Trường Đại học Y tế Công cộng, Hà Nội.
- A. P. Gurses & P. Carayon (2007)**, "Performance obstacles of intensive care nurses", Nurs Res, 56 (3), pg. 185-194.